



UBND THÀNH PHỐ HỒ ĐỒ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐỒ ĐỒ TẠO

CẤU TRÚC ĐỀ THI MÔN TOÁN (MÔN CHUNG)
KỶ THI TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số 1444/QĐ-SGDĐT ngày 23/4/2025 của Giám đốc Sở GDĐT)

1. Thời gian làm bài: 90 phút.
2. Hình thức: Tự luận.
3. Thang điểm: Tính theo thang điểm 10, điểm lẻ đến 0,25.

4. Cấu trúc đề thi:

4.1. Phần Số và Đại số: tổng cộng 4,0-6,0 điểm.

Nội dung 1. (1,0 điểm đến 2,0 điểm): Biểu thức đại số

- Đa thức.
- Phân thức đại số.
- Căn thức.

Nội dung 2. (1,0 điểm đến 2,0 điểm): Hàm số, đồ thị

- Hàm số: $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và đồ thị.
- Hàm số: $y = ax^2$ ($a \neq 0$) và đồ thị.

Nội dung 3. (2,0 điểm đến 3,0 điểm): Phương trình, bất phương trình, hệ phương trình

- Phương trình bậc nhất và phương trình quy về phương trình bậc nhất.
- Bất phương trình bậc nhất.
- Hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.
- Phương trình bậc hai một ẩn, định lí Viète.

4.2. Phần Xác suất và Thống kê: tổng cộng 1,0-2,0 điểm.

Nội dung 4. (1,0 điểm đến 2,0 điểm): Xác suất và thống kê

4.3. Phần Hình học và Đo lường: tổng cộng 3,0-4,0 điểm.

Nội dung 5. (3,0-4,0 điểm): Hình học phẳng, Hình học trực quan

- Tỷ số lượng giác của góc nhọn.
- Tam giác, tứ giác, tam giác bằng nhau, tam giác đồng dạng.
- Đường tròn, đường tròn ngoại tiếp, đường tròn nội tiếp.
- Các hình khối trong thực tiễn: Hình hộp chữ nhật, hình lập phương, lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác, hình chóp tam giác đều, hình chóp tứ giác đều, hình trụ, hình nón, hình cầu.

* **Chú ý:** Các câu hỏi gắn với vấn đề thực tiễn chiếm ít nhất 30% tổng số điểm toàn bài thi.



UBND THÀNH PHỐ HUẾ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CẤU TRÚC ĐỀ THI MÔN NGỮ VĂN (MÔN CHUNG)
KỶ THI TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số 1414/QĐ-SGDĐT ngày 23/4/2025 của Giám đốc Sở GDĐT)

1. Thời gian làm bài: 120 phút.
2. Hình thức: Tự luận.
3. Thang điểm: Tính theo thang điểm 10, điểm lẻ đến 0,25.
4. Cấu trúc đề thi

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung		Cấp độ tư duy						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
I	Năng lực Đọc hiểu	Văn bản văn học	Truyện	02	15%	02	20%	01	5%	40%
			Thơ							
		Kí								
		Văn bản nghị luận								
		Văn bản thông tin								
II	Năng lực Viết	Nghị luận xã hội		10%	15%	35%	60%			
		Nghị luận văn học								
		Tổng		25%	35%	40%	100%			

*** Lưu ý:**

- Phần kiểm tra năng lực viết gồm viết đoạn văn và viết bài văn.
- Nếu ngữ liệu đọc hiểu là văn bản nghị luận xã hội hoặc văn bản thông tin thì phần nghị luận xã hội yêu cầu viết đoạn văn, nghị luận văn học viết bài văn. Nếu ngữ liệu đọc hiểu là văn bản văn học thì phần nghị luận xã hội yêu cầu viết bài văn, nghị luận văn học viết đoạn văn.
- Tổng độ dài của các ngữ liệu trong đề thi không quá 1300 chữ.

UBND THÀNH PHỐ HUẾ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



CẤU TRÚC ĐỀ THI MÔN TIẾNG ANH (MÔN CHUNG)
KỶ THI TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số 1414/QĐ-SGDĐT ngày 23/4/2025 của Giám đốc Sở GDĐT)

1. Nội dung kiểm tra đánh giá:

- Kiểm tra các kỹ năng: đọc, viết và kiến thức ngôn ngữ, chức năng ngôn ngữ.

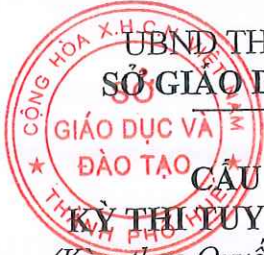
2. Thời gian làm bài: 60 phút

3. Hình thức: 50 câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn

4. Thang điểm: 10,0 điểm. Mỗi câu 0,2 điểm.

5. Cấu trúc đề thi:

Phần	Điểm	Nội dung kiểm tra đánh giá	Ghi chú
I	5,0	Kiến thức ngôn ngữ và chức năng ngôn ngữ 1. Ngữ âm Các câu hỏi về phát âm và trọng âm (cách đọc âm cuối -ed/-s (-es), phụ âm, nguyên âm, cách nhấn âm đối với từ có từ 2 âm tiết trở lên,...) 2. Từ vựng, ngữ pháp Các câu hỏi về từ vựng và ngữ pháp trong chương trình THCS (word definition, word form, collocations, idioms, synonyms, antonyms, tenses, types of clauses,...) 3. Giao tiếp Các câu hỏi về giao tiếp cơ bản hoặc / và sắp xếp đoạn hội thoại,...	
II	3,0	Kỹ năng đọc hiểu 1. Đọc hiểu biển báo, quảng cáo 2. Đọc hiểu đoạn văn (trả lời câu hỏi hoặc / và điền từ vào chỗ trống,...) 3. ...	
III	2,0	Kỹ năng viết 1. Nói câu 2. Viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi 3. ...	



UBND THÀNH PHỐ HUẾ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CẤU TRÚC ĐỀ THI MÔN TIẾNG PHÁP (MÔN CHUNG)
KỶ THI TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số 1444/QĐ-SGDĐT ngày 23/4/2025 của Giám đốc Sở GDĐT)

1. Thời gian làm bài: 60 phút.
2. Hình thức: Trắc nghiệm (50 câu).
3. Thang điểm: Tính theo thang điểm 10. Mỗi câu 0,2 điểm.
4. Cấu trúc đề thi
 - 4.1. Kiến thức ngôn ngữ (16 câu)
 1. Synonymes, antonymes
 2. Mots de la même famille
 3. Formation des mots
 4. Négation (*ne ... personne, ne ... rien, ne ... jamais, ne ... pas encore, ne ... ni ... ni*)
 5. Articles indéfinis, définis, partitifs
 6. Pronoms relatifs (*qui, que, dont, où*), pronoms personnels (*en, y*).
 7. Adjectifs indéfinis (*tout, toute, ...*)
 8. Adjectifs interrogatifs (*quel, quelle, ...*), pronoms interrogatifs (*lequel, laquelle, ...*)
 9. La forme passive
 10. Expression de la cause (*comme, parce que, à cause de, grâce à*), de la conséquence (*donc*)
 11. Expressions de temps (*depuis, pendant, il y a, dans, avant, après*)
 12. Expression de la quantité (*la moitié, le tiers, la plupart, une dizaine, une douzaine, ...*)
 13. Passé composé, imparfait
 14. Comparaison (comparatif, superlatif)
 - 4.2. Tình huống giao tiếp (04 câu)
 - 4.3. Đọc hiểu (15 câu)
 1. Bài đọc 1: Đọc hiểu 4 thông báo ngắn gọn để thực hiện các lựa chọn (ví dụ để chọn quà, thực đơn, hoạt động cuối tuần, kì nghỉ...).

2. Bài đọc 2: Đọc hiểu văn bản mang tính cá nhân hoặc văn bản hướng dẫn khoảng 120 từ (ví dụ thư cá nhân, công thức nấu ăn, hướng dẫn sử dụng thiết bị, nội quy,...).

3. Bài đọc 3: Đọc hiểu văn bản cung cấp thông tin dài khoảng 150 từ.

4.4. Diễn đạt Viết (15 câu)

1. Xác định đúng cách sửa lỗi trong câu.
 2. Chọn dạng đúng của từ cần điền vào câu (câu đục lỗ).
 3. Chọn câu có trật tự từ đúng (câu gồm 6-8 từ).
 4. Chọn câu tương đương (câu đơn ↔ câu phức).
 5. Nối hai mệnh đề trong câu phức.
-



UBND THÀNH PHỐ HUẾ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CẤU TRÚC ĐỀ THI MÔN TIẾNG NHẬT (MÔN CHUNG)
KỶ THI TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số 1414/QĐ-SGDĐT ngày 23/4/2025 của Giám đốc Sở GDĐT)

1. Thời gian làm bài: 60 phút.

2. Hình thức: Trắc nghiệm (50 câu).

3. Thang điểm: Tính theo thang điểm 10. Mỗi câu 0,2 điểm.

4. Cấu trúc đề thi

a) Phạm vi ra đề:

- Sử dụng các từ vựng trong SGK Tiếng Nhật cấp THCS từ lớp 6 đến lớp 9.
- Dùng các tên riêng của người cũng như địa danh đã xuất hiện trong sách.
- Không ra các từ vựng ngoài phạm vi chương trình. Nếu ra thì phải có phần chú thích nghĩa tiếng Việt của từ đó. Không ra các ngữ pháp không có trong chương trình từ lớp 6 đến lớp 9.

b) Nội dung:

- Từ vựng: Chọn từ thích hợp dựa vào quan hệ trước sau trong câu, chọn câu đồng nghĩa với câu đó.
- Ngữ pháp 1: Câu hỏi kiến thức ngữ pháp của lớp 7, 8. Ra câu ngắn, hoặc cặp hội thoại rồi cho chia động từ; tính từ và chọn trợ từ, hoặc chọn các từ chức năng v.v. thông qua câu ngắn hoặc cặp hội thoại đó.
- Ngữ pháp 2: Câu hỏi kiến thức ngữ pháp của lớp 9. Ra câu ngắn, hoặc cặp hội thoại rồi cho chia động từ, tính từ và chọn trợ từ, hoặc chọn các từ chức năng v.v. thông qua câu ngắn hoặc cặp hội thoại đó.
- Điền từ vào ô trống: Ra 01 đoạn văn hoặc hội thoại, đục lỗ và cho chọn từ vựng, trợ từ, ngữ pháp thích hợp với đoạn văn hoặc đoạn hội thoại đó.
- Đọc hiểu : Ra 02 đoạn văn ngắn, cho trả lời các câu hỏi về mức độ lý giải nội dung đoạn văn đó.
- Sửa lỗi sai: Ra câu ngắn, cho học sinh tìm lỗi sai trong câu dựa trên bốn phương án được đưa ra.
- Chữ Hán (Kanji): Ra các chữ Kanji chủ yếu ở lớp 8, 9.
- Chức năng giao tiếp: Từ ngữ/câu thể hiện chức năng giao tiếp (đổi đáp hội thoại) trong các tình huống đơn giản.
- Kiến thức văn hóa Nhật Bản: Ra kiến thức cơ bản về văn hóa Nhật Bản đã được học ở chương trình THCS.

c) Cấu trúc đề:

Số lượng câu hỏi (mỗi câu 0,2 điểm) cho mỗi đơn vị kiến thức dự kiến như sau:

- Từ vựng : 07 câu;
 - Ngữ pháp 1 : 07 câu;
 - Ngữ pháp 2 : 08 câu;
 - Điền từ vào ô trống : 05 câu (01 bài);
 - Đọc hiểu : 07 câu (02 bài) ;
 - Sửa lỗi sai : 02 câu;
 - Kanji : 05 câu (Hiragana→Kanji);
05 câu (Kanji→Hiragana);
 - Chức năng giao tiếp: 02 câu;
 - Kiến thức về văn hóa Nhật Bản: 02 câu.
-



UBND THÀNH PHỐ HUẾ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CẤU TRÚC ĐỀ THI MÔN TOÁN (MÔN CHUYÊN)
KỶ THI TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số 1444/QĐ-SGDĐT ngày 23/4/2025 của Giám đốc Sở GDĐT)

1. Thời gian làm bài: 120 phút.
2. Hình thức: Tự luận.
3. Thang điểm: Tính theo thang điểm 10, điểm lẻ đến 0,25.
4. Cấu trúc đề thi:
 - 4.1. Phần Đại số: (3,0 điểm đến 5,0 điểm)
Nội dung 1: Biểu thức đại số
 - Rút gọn biểu thức.
 - Chứng minh đẳng thức.
 - Toán về giá trị của biểu thức.Nội dung 2: Hàm số, phương trình, đa thức
 - Phương trình, hệ phương trình.
 - Hàm số, định lí Viét.
 - Đa thức.Nội dung 3:
 - Bất đẳng thức.
 - Cực trị.
 - 4.2. Phần Số học: (2,0-3,0 điểm)
Nội dung 4:
 - Chia hết, số nguyên tố, số chính phương, phương trình nghiệm nguyên ...
 - 4.3. Tổ hợp, Xác suất: (1,0-2,0 điểm)
Nội dung 5:
 - Các nguyên lí toán học (quy nạp, phản chứng, Dirichlet, bất biến, đơn biến, cực hạn ...).
 - Xác suất.
 - 4.4. Hình học phẳng: (3,0 điểm)
Nội dung 6:
 - Tam giác, tứ giác, tam giác bằng nhau, tam giác đồng dạng.
 - Hệ thức trong tam giác vuông.
 - Đường tròn.



UBND THÀNH PHỐ HUẾ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CẤU TRÚC ĐỀ THI MÔN NGỮ VĂN (MÔN CHUYÊN)
KỶ THI TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số 1414/QĐ-SGDĐT ngày 23/4/2025 của Giám đốc Sở GDĐT)

1. Thời gian làm bài: 120 phút.

2. Hình thức: Tự luận.

3. Thang điểm: Tính theo thang điểm 10, điểm lẻ đến 0,25.

4. Cấu trúc đề thi

Đề gồm 2 câu: Nghị luận xã hội và Nghị luận văn học.

- Câu Nghị luận xã hội (4,0 điểm): Viết bài văn hoàn chỉnh, nghị luận về các vấn đề xã hội.

- Câu Nghị luận văn học (6,0 điểm): Viết bài văn hoàn chỉnh, nghị luận về các vấn đề văn học.

UBND THÀNH PHỐ HUẾ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



CẤU TRÚC ĐỀ THI MÔN TIẾNG ANH (MÔN CHUYÊN)
KỶ THI TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số 1414/QĐ-SGDĐT ngày 23/4/2025 của Giám đốc Sở GDĐT)

1. Nội dung kiểm tra đánh giá:

Kiểm tra 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết và kiến thức ngôn ngữ.

2. Thời gian làm bài:

- Nghe, đọc, viết và kiến thức ngôn ngữ: 120 phút.

- Nói: 08 phút (chuẩn bị: 05 phút, thu âm: 03 phút).

3. Hình thức: Trắc nghiệm và tự luận

4. Thang điểm: 10,0 điểm.

5. Cấu trúc đề thi:

Phần	Điểm	Nội dung kiểm tra đánh giá	Ghi chú
I	2,0	Kỹ năng nghe hiểu Các bài nghe khác nhau với các câu hỏi dạng trắc nghiệm và / hoặc tự luận. - Short answers - Gap-fill - Multiple choice questions - ...	
II	1,5	Kiến thức ngôn ngữ Các câu hỏi dạng trắc nghiệm về ngữ pháp và từ vựng (inversion, phrasal verbs, collocations, idioms, word choice, word form, ...)	
III	3,0	Kỹ năng đọc hiểu Các bài đọc khác nhau với các câu hỏi dạng trắc nghiệm và / hoặc tự luận. - Multiple choice cloze - Open cloze - Reading comprehension - ...	
IV	2,0	Kỹ năng viết Các câu hỏi dạng trắc nghiệm và / hoặc tự luận. - Sentence transformations - Key word transformations - Essay - ...	
V	1,5	Kỹ năng nói 01 bài nói về các chủ đề thuộc chương trình THCS và xã hội phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh THCS.	



UBND THÀNH PHỐ HUẾ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CẤU TRÚC ĐỀ THI MÔN TIẾNG PHÁP (MÔN CHUYÊN)
KỶ THI TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số 1444/QĐ-SGDĐT ngày 23/4/2025 của Giám đốc Sở GDĐT)

1. Thời gian làm bài:

- Nghe, đọc, viết, kiến thức ngôn ngữ: 120 phút.
- Nói: 08 phút (chuẩn bị: 05 phút, thu âm: 03 phút).

2. Hình thức:

- Nghe, đọc, viết, kiến thức ngôn ngữ: Trắc nghiệm và tự luận.
- Nói: mỗi thí sinh bốc thăm 01 đề và thực hiện theo yêu cầu.

3. Thang điểm: 10 điểm.

4. Cấu trúc đề thi

4.1. Kỹ năng Nói (Production orale - 1,5 điểm)

- Mục tiêu: Đánh giá kỹ năng Nói độc thoại ở trình độ năng lực bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam về các nội dung sau:

- + Mô tả về môi trường xung quanh mình và các hoạt động liên quan (gia đình, nhà trường, bạn bè,...).
- + Mô tả những hoạt động trong cuộc sống thường ngày của mình (đi lại, học tập, giải trí,...).
- + Mô tả, giới thiệu một người (ngoại hình, tính cách, nghề nghiệp,...).
- + Nói về điều mình thích hay không thích.
- + Nói về một điều mình biết rõ (một lễ hội, một vấn nạn, một phát minh,...).
- + Nói về những dự định, kế hoạch tương lai.
- + Kể lại những kinh nghiệm cá nhân (kỳ nghỉ, chuyến du lịch,...).

- Số lượng: 1 bài nói/thí sinh.

4.2 Kỹ năng Nghe (Compréhension de l'oral - 2,5 điểm):

- Mục tiêu: Đánh giá kỹ năng Nghe hiểu các chủ đề quen thuộc hàng ngày (về gia đình, bản thân, mua sắm, nơi ở, học tập,...) ở trình độ năng lực bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Số lượng: 2 bài.

4.3 Kỹ năng Đọc (Compréhension des écrits - 2,5 điểm):

- Mục tiêu: Đánh giá kỹ năng Đọc hiểu các văn bản xoay quanh các chủ điểm có trong chương trình Tiếng Pháp - Ngoại ngữ 1 cấp THCS ở trình độ năng lực cuối bậc 2, đầu bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Số lượng: 3 bài.

4.4 Kiến thức ngôn ngữ (Connaissance de la langue - 1,0 điểm):

- Mục tiêu: Đánh giá sự hiểu biết, khả năng sử dụng các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp trong các hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.

+ Từ vựng: Synonyme, Antonyme, Mots de la même famille, Formation des mots.

+ Ngữ pháp: Négation, Articles, Pronoms personnels (COD, COI), Pronoms relatifs, Pronoms interrogatifs, Verbes pronominaux, Comparaison, Passé composé, Imparfait, Futur simple, Subjonctif, Forme passive, Expression de la quantité, Expressions de temps, Expression de la cause, Expression de la conséquence, Expression de l'opposition, Expression de la concession.

- Số lượng: 10 câu.

4.5. Kỹ năng Viết (Production écrite - 2,5 điểm):

- Mục tiêu: Đánh giá kỹ năng Viết ở trình độ năng lực cuối bậc 2, đầu bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

+ Xác định yếu tố lỗi trong câu và sửa sai.

+ Viết tiếp câu một cách lô-gíc.

+ Dựng câu từ một vài từ cho trước.

+ Viết bài luận dựa trên chủ đề được cho.

- Số lượng: 15 câu + 1 bài luận.



**UBND THÀNH PHỐ HUẾ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

CẤU TRÚC ĐỀ THI MÔN TIẾNG NHẬT (MÔN CHUYÊN)
KỶ THI TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số 1414/QĐ-SGDĐT ngày 23/4/2025 của Giám đốc Sở GDĐT)

1. Thời gian làm bài:

- Nghe, đọc, viết và kiến thức ngôn ngữ: 120 phút.
- Nói: 08 phút (chuẩn bị: 05 phút, thu âm: 03 phút).

2. Hình thức: Kiểm tra bốn kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết.

3. Thang điểm: 10,0 điểm.

- Bài thi nói: 1,5 điểm
- Bài thi viết: 8,5 điểm, trong đó:
 - + Kỹ năng nghe: 2,0 điểm
 - + Kỹ năng đọc hiểu: 2,5 điểm
 - + Kiến thức ngôn ngữ: 1,0 điểm
 - + Kỹ năng viết: 3,0 điểm

4. Cấu trúc đề thi:

4.1 Kỹ năng nói (1,5 điểm): 10 chủ đề

- Mục tiêu: Đánh giá khả năng độc thoại về các chủ đề quen thuộc tương đương trình độ N4, N5.

- + Mô tả về gia đình, điều kiện sống, trình độ học vấn, tình hình hiện tại.
- + Mô tả những hoạt động trong cuộc sống thường ngày như tả người, địa điểm, công việc và kinh nghiệm học tập.
- + Mô tả các kế hoạch, thói quen hằng ngày, các hoạt động trong quá khứ và kinh nghiệm cá nhân.

+ Diễn đạt đơn giản về điều mình thích hay không thích.

+ Diễn đạt suy nghĩ và ý kiến về một vấn đề gần gũi với bản thân.

+...

4.2 Kỹ năng nghe (2,0 điểm): 3 phần

Nghe hiểu thông tin tổng quát và thông tin chi tiết về các chủ đề quen thuộc hàng ngày (về gia đình, bản thân, mua sắm, nơi ở, học tập, ...), tương đương trình độ sơ cấp.

4.3 Kiến thức ngôn ngữ (1,0 điểm):


Đánh giá năng lực ngôn ngữ của thí sinh về ngữ pháp, từ vựng, giao tiếp, tương đương trình độ sơ cấp 1 (N5) và sơ cấp 2 (N4).

4.4 Kỹ năng đọc hiểu (2,5 điểm):

Đọc hiểu nội dung chính và nội dung chi tiết của các văn bản ở trình độ sơ cấp 2 (N4) với các dạng câu hỏi đúng sai/ điền từ/trả lời ngắn,...

4.5 Kỹ năng viết (3,0 điểm):

Thí sinh viết câu, đoạn văn lô-gic từ các yếu tố cho sẵn với các dạng câu hỏi khác nhau: viết Kanji/ viết câu/ sửa lỗi/ viết luận,...

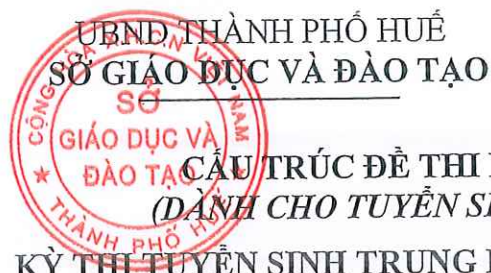

 UBND THÀNH PHỐ HUẾ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CAU TRÚC ĐỀ THI MÔN TIN (MÔN CHUYÊN)
KỶ THI TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số 1414/QĐ-SGDĐT ngày 23/4/2025 của Giám đốc Sở GDĐT)

1. Thời gian làm bài: 120 phút.
2. Hình thức: Thực hành trên máy tính.
3. Thang điểm: Tính theo thang điểm 10, điểm lẻ đến 0,25.
4. Cấu trúc đề thi

Bài	Nội dung, năng lực cần đạt	Điểm
1	- Hiểu khái niệm thuật toán và biểu diễn thuật toán; lập trình trực quan bằng ngôn ngữ lập trình Scratch. - Hiểu được ý nghĩa của việc chia một bài toán thành những bài toán nhỏ hơn. - Biết, hiểu, vận dụng các cấu trúc tuần tự, lặp, rẽ nhánh và sử dụng đồ họa, các tập lệnh trong Scratch để vẽ hình, tính toán, xây dựng game... - Các năng lực cần đạt: NLa, NLc...	Khoảng 2,0 đến 3,0 điểm
2	- Biết, hiểu, vận dụng các kiến thức về ngôn ngữ lập trình Scratch; thông tin và dữ liệu, biểu diễn thông tin và lưu trữ dữ liệu trong máy tính; các cấu trúc tuần tự, lặp, rẽ nhánh; thuật toán sắp xếp và tìm kiếm cơ bản; chia một bài toán thành những bài toán nhỏ hơn; nắm vững kiến thức môn toán, các môn học khác thuộc cấp THCS để vận dụng giải quyết các bài toán về số học, thống kê, số nguyên tố, ước số, bội số, phân số, ... - Các năng lực cần đạt: NLa, NLc...	Khoảng 2,0 đến 3,0 điểm
3	- Hiểu, vận dụng, tổng hợp các kiến thức về ngôn ngữ lập trình Scratch nâng cao; các kiểu dữ liệu đã học, thuật toán mang tính tư duy logic, toán học... để giải quyết các bài toán, tình huống trong thực tiễn. - Các năng lực cần đạt: NLb, NLc...	Khoảng 2,0 đến 4,0 điểm
4	- Hiểu, vận dụng, tổng hợp các kiến thức về ngôn ngữ lập trình Scratch nâng cao; kiến thức toán học nâng cao; thuật toán đã học và các thuật toán khác... để vận dụng giải quyết các bài toán, tình huống trong thực tiễn nhằm hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh ở mức nâng cao. - Các năng lực cần đạt: NLa, NLb, NLc...	Khoảng 2,0 đến 4,0 điểm

Chú ý:

- Trong cấu trúc này, không phải nội dung kiến thức và năng lực nào trên đây cũng bắt buộc phải có trong đề thi.
- Trong một câu hỏi (bài) trong đề thi, có thể kết hợp nhiều nội dung kiến thức trong các mạch kiến thức của môn tin học cấp THCS.
- Đề thi gồm 3 hoặc 4 bài.
- NLa, NLb, NLc...: là các thành phần của năng lực tin học.



UBND THÀNH PHỐ HUẾ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CẤU TRÚC ĐỀ THI MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN
(DÀNH CHO TUYỂN SINH VÀO LỚP CHUYÊN VẬT LÝ)**

KỶ THI TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số 1444/QĐ-SGDĐT ngày 23/4/2025 của Giám đốc Sở GDĐT)

1. Thời gian làm bài: 120 phút.

2. Hình thức: Tính theo thang điểm 10, điểm lẻ đến 0,25.

3. Thang điểm: Tự luận.

4. Cấu trúc đề thi

- Nội dung 1:

- + Tốc độ của chuyển động.
- + Đồ thị quãng đường - thời gian.

- Nội dung 2:

- + Lực có thể làm quay vật.
- + Đòn bẩy và moment lực.
- + Khối lượng riêng; trọng lượng riêng; sự nổi; áp suất trên một bề mặt; áp suất trong chất lỏng, trong chất khí.

+ Định luật Archimedes.

- Nội dung 3:

- + Động năng; thế năng; cơ năng.
- + Công và công suất.

- Nội dung 4:

- + Sự phản xạ ánh sáng.
- + Ảnh của vật tạo bởi gương phẳng.
- + Sự khúc xạ, phản xạ toàn phần, sự tán sắc.
- + Lăng kính; thấu kính; kính lúp.

- Nội dung 5:

- + Dòng điện; tác dụng của dòng điện; nguồn điện.
- + Cường độ dòng điện và hiệu điện thế; điện trở.
- + Định luật Ohm.
- + Đoạn mạch một chiều mắc nối tiếp, mắc song song, hỗn hợp.
- + Năng lượng điện và công suất điện.
- + Nam châm; trường từ (Từ trường); từ trường Trái Đất; nam châm điện.

+ Cảm ứng điện từ; nguyên tắc tạo ra dòng điện xoay chiều; tác dụng của dòng điện xoay chiều.

- Nội dung 6:

+ Phương án thực nghiệm.

+ Bài toán thực tiễn.

Trong cấu trúc này:

+ Trong mỗi câu lớn cho mỗi phần cần có những ý nhỏ để đảm bảo tính phân loại.

+ Trong một câu trong đề thi, không nhất thiết bắt buộc phải có đầy đủ các kiến thức trong mạch nội dung kiến thức.

+ Không nhất thiết phân bố đều điểm cho các câu.

+ Trong một câu trong đề thi, có thể kết hợp nhiều nội dung kiến thức trong mạch kiến thức.



UBND THÀNH PHỐ HUẾ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CẤU TRÚC ĐỀ THI MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN
(DÀNH CHO TUYỂN SINH VÀO LỚP CHUYÊN HÓA HỌC)**

KỶ THI TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số 1414/QĐ-SGDĐT ngày 23/4/2025 của Giám đốc Sở GDĐT)

1. Thời gian làm bài: 120 phút.
2. Hình thức: Tự luận.
3. Thang điểm: Tính theo thang điểm 10, điểm lẻ đến 0,25.
4. Cấu trúc đề thi

Chủ đề: CHẤT VÀ SỰ BIẾN ĐỔI CHẤT	Mức độ nhận thức			Tỉ lệ	Điểm
	Biết (20%)	Thông hiểu (30%)	Vận dụng (50%)		
	Số câu hỏi tối đa			5 câu	10

4.1. Nội dung trong đề thi

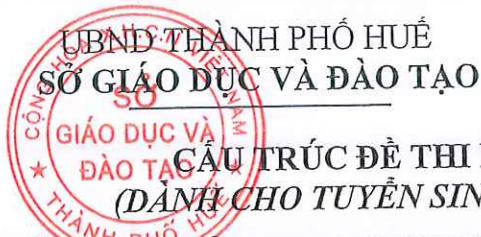
Nội dung thuộc Chương trình môn Khoa học tự nhiên – Chủ yếu mạch nội dung Chất và biến đổi chất của Chương trình GDPT cấp THCS hiện hành.

4.2. Giới hạn, kiến thức thi

- a) Giới hạn nội dung: Chủ yếu nội dung Chất và biến đổi chất lớp 6,7,8,9.
- b) Nội dung kiến thức, tỉ lệ điểm tối đa các phần trong đề thi:

TT	Nội dung kiến thức	Điểm
1	- Nguyên tử, phân tử, nguyên tố hóa học, sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, liên kết hóa học và dung dịch. - Phản ứng hóa học, mol, định luật bảo toàn khối lượng, năng lượng trong các phản ứng hóa học, tốc độ phản ứng và chất xúc tác, chuyển hóa hóa học và phương trình hóa học. - Vận dụng được các kiến thức về cấu tạo chất, nguyên tử, phân tử để giải thích một số hiện tượng, ứng dụng, một số vấn đề liên quan đến thực tiễn trong đời sống, sản xuất.	Từ 2,0 đến 3,0 điểm
2	Nội dung kiến thức về các chất vô cơ - Oxygen. Acid - base - pH - oxide - muối. Phân bón hóa học. Mối quan hệ giữa các chất vô cơ. - Tính chất chung của kim loại, dãy hoạt động hóa học của kim loại, sự khác nhau cơ bản giữa phi kim và kim loại. Hợp kim.	Từ 3,5 đến 4,0 điểm

TT	Nội dung kiến thức	Điểm
	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được các kiến thức về các chất vô cơ để giải thích một số vấn đề liên quan đến thực tiễn trong đời sống, sản xuất, một số hiện tượng, ứng dụng liên quan đến các đơn chất, hợp chất vô cơ cũng như tác động sinh học, tác động đến môi trường tự nhiên của chúng. - Giải được các bài toán từ mối quan hệ giữa hoá học và thực tiễn có liên quan đến môi trường, con người, sản xuất, khai thác tài nguyên, ... 	
3	<p>Nội dung kiến thức về các chất hữu cơ, hợp chất cao phân tử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hydrocarbon, nguồn nhiên liệu. - Ethylic alcohol, acetic acid, ester. - Lipid, carbohydrate, protein, polymer. - Mối quan hệ giữa các chất hữu cơ. - Vận dụng được các kiến thức về các chất hữu cơ, hợp chất cao phân tử để giải thích một số vấn đề liên quan đến thực tiễn trong đời sống, sản xuất, một số hiện tượng, ứng dụng liên quan đến các chất hữu cơ, hợp chất cao phân tử cũng như tác động sinh học, tác động đến môi trường tự nhiên của chúng. - Giải được các bài toán từ mối quan hệ giữa hoá học và thực tiễn có liên quan đến môi trường, con người, sản xuất, khai thác tài nguyên, ... 	<p>Từ 3,5 đến 4,0 điểm</p>



UBND THÀNH PHỐ HUẾ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CẤU TRÚC ĐỀ THI MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN
(DÀNH CHO TUYỂN SINH VÀO LỚP CHUYÊN SINH HỌC)
KỶ THI TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số 1414/QĐ-SGDĐT ngày 23/4/2025 của Giám đốc Sở GDĐT)

- 1. Thời gian làm bài:** 120 phút.
- 2. Hình thức:** Tự luận.
- 3. Thang điểm:** Tính theo thang điểm 10, tính chi tiết đến 0,25 điểm.
- 4. Cấu trúc đề thi**

Bám sát chương trình KHTN 8, 9 (Kiến thức chủ yếu chủ đề Vật sống). Đề thi tuyển sinh môn Sinh chuyên khoảng từ 6 đến 8 câu (tự luận).

Phần 1: (1,5 điểm) Sinh học cơ thể người.

Phần 2: (1,5 điểm) Sinh vật và môi trường.

Phần 3: (2,0 điểm) Các thí nghiệm của Mendel, Morgan.

Phần 4: (1,5 điểm) Cơ sở vật chất, cơ chế di truyền, biến dị cấp độ phân tử.

Phần 5: (1,5 điểm) Cơ sở vật chất, cơ chế di truyền, biến dị cấp độ nhiễm sắc thể.

Phần 6: (1,0 điểm) Di truyền học người.

Phần 7: (1,0 điểm) Tiến hoá, Ứng dụng di truyền học.

UBND THÀNH PHỐ HUẾ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



**CẤU TRÚC ĐỀ THI MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ
(DÀNH CHO TUYỂN SINH VÀO LỚP CHUYÊN LỊCH SỬ)**

KỶ THI TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số 1414/QĐ-SGDĐT ngày 23/4/2025 của Giám đốc Sở GDĐT)

- 1. Thời gian làm bài:** 120 phút.
- 2. Hình thức:** Tự luận.
- 3. Thang điểm:** Tính theo thang điểm 10, điểm lẻ đến 0,25.
- 4. Cấu trúc đề thi:**

Cấu trúc gồm 2 phần: Lịch sử Việt Nam và Lịch sử thế giới.

* PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM (6,0 điểm)

* PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI (4,0 điểm)

4.1. Nội dung trong đề thi

Nội dung thuộc Chương trình môn Lịch sử và Địa lí – Chủ yếu mạch nội dung phân môn Lịch sử của Chương trình GDPT cấp THCS hiện hành.

4.2. Giới hạn, kiến thức thi

a) **Giới hạn nội dung:** Chủ yếu nội dung phân môn Lịch sử lớp 6,7,8,9 (Không bao gồm các chủ đề chung).

b) Nội dung kiến thức:

THẾ GIỚI TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945

- Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945
- Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945
- Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945
- Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)

VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945

- Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930
- Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam
- Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 – 1939
- Cách mạng tháng Tám năm 1945

THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

- Chiến tranh lạnh (1947 – 1989)
- Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991
- Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991
- Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991
- Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991

VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

- Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám
- Việt Nam từ năm 1946 đến năm 1954
- Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975
- Việt Nam trong những năm 1976 – 1991

THẾ GIỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

- Trật tự thế giới mới
- Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay
- Nước Mỹ từ năm 1991 đến nay
- Châu Á từ năm 1991 đến nay

VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

- Khái lược công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay
- Thành tựu của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay

CÁCH MẠNG KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA



UBND THÀNH PHỐ HUẾ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CẤU TRÚC ĐỀ THI MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ
(DÀNH CHO TUYỂN SINH VÀO LỚP CHUYÊN ĐỊA LÍ)

KỶ THI TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số 1414/QĐ-SGDĐT ngày 23/4/2025 của Giám đốc Sở GDĐT)

- 1. Thời gian làm bài:** 120 phút.
- 2. Hình thức:** Tự luận.
- 3. Thang điểm:** Tính theo thang điểm 10, điểm lẻ đến 0,25.
- 4. Cấu trúc đề thi**

4.1. Địa lí tự nhiên đại cương (chương trình lớp 6) tỉ lệ điểm khoảng 15%

- Chuyển động của Trái đất và hệ quả địa lí.
- Ứng dụng tỉ lệ bản đồ.
- Hiện tượng động đất, núi lửa và sức phá hoại của các tai biến thiên nhiên này.
- Các khối khí, khí áp, gió.
- Nhiệt độ và mưa, thời tiết, khí hậu.
- Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó.

4.2. Địa lí tự nhiên Việt Nam (chương trình lớp 8) tỉ lệ điểm khoảng 15%

4.3. Chương trình lớp 9

3.1. Địa lí dân cư Việt Nam tỉ lệ điểm khoảng 10%.

3.2. Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam tỉ lệ điểm khoảng 30%.

Địa lí các ngành kinh tế (nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, dịch vụ).

3.3. Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam tỉ lệ điểm khoảng 30%.

4.4. Phần kỹ năng thực hành

Nhận xét, giải thích bảng số liệu và vẽ các loại biểu đồ (hình tròn, hình cột, biểu đồ đường, biểu đồ miền, biểu đồ kết hợp).